

THÔNG BÁO
Về việc hủy bỏ kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở
tại xã An Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

Căn cứ Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2021 của UBND huyện Ninh Giang về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã An Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;

Căn cứ văn bản số 4452/STC-QLNS ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về thu nộp và hạch toán tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước; Văn bản số 92/UBND-TCKH ngày 15/02/2022 của UBND huyện Ninh Giang về việc phối hợp thực hiện văn bản 4452/STC-QLNS ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính;

Căn cứ Quy chế số 373/QCĐGTS ngày 20/9/2021 về đấu giá quyền sử dụng đất ở tại vị trí quy hoạch Điểm dân cư mới thôn Kim Chuế, xã An Đức, huyện Ninh Giang của Công ty Đấu giá hợp danh Đại Thành; Thông báo số 193/TB-CCTKV ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thuế khu vực Ninh Thanh về kết quả thu nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ đất đấu giá tại xã An Đức;

UBND huyện Ninh Giang thông báo về việc hủy bỏ kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng 38 lô đất ở tại Điểm dân cư mới thôn Kim Chuế, xã An Đức, huyện Ninh Giang của các khách hàng trúng đấu giá quyền sử dụng đất (Có danh sách chi tiết kèm theo);

Lý do: Khách hàng trúng đấu giá quyền sử dụng đất không nộp tiền và nộp tiền chưa đầy đủ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ theo Thông báo số 193/TB-CCTKV ngày 22/02/2022 của Chi cục Thuế khu vực Ninh Thanh; Khách hàng trúng đấu giá vi phạm Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất ở của Công ty Đấu giá hợp danh Đại Thành;

UBND huyện thông báo cho các khách hàng trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại Điểm dân cư mới thôn Kim Chuế, xã An Đức, huyện Ninh Giang được biết, sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành Thông báo mà các khách hàng đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất không thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ đầy đủ theo quy định, UBND huyện Ninh Giang sẽ ban hành Quyết định hủy bỏ kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp khách hàng trúng đấu giá quyền sử dụng đất đã nộp đầy đủ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ mà chưa gửi chứng từ nộp tiền về Chi cục thuế khu vực Ninh Thanh để theo dõi, tổng hợp phải gửi ngay chứng từ nộp tiền về Chi cục thuế khu vực Ninh Thanh

(Nếu khách hàng không gửi chứng từ nộp tiền về Chi cục thuế Khu vực Ninh Thanh sẽ tự chịu trách nhiệm)

Giao cho Chi cục Thuế khu vực Ninh Thanh đôn đốc các khách hàng trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Điểm dân cư mới thôn Kim Chuế, xã An Đức, huyện Ninh Giang nghiêm túc thực hiện việc nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đầy đủ theo quy định. Hết thời gian niêm yết theo Thông báo, Chi cục Thuế khu vực Ninh Thanh có trách nhiệm tổng hợp danh sách khách hàng chưa thực hiện nộp đầy đủ tiền sử dụng đất gửi UBND huyện, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính - Kế hoạch. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện ban hành quyết định huỷ bỏ kết quả trúng đấu giá theo quy định.

Giao cho UBND xã An Đức có trách nhiệm phối hợp với Chi cục Thuế khu vực Ninh Thanh thông tin đến khách hàng trúng đấu giá nhưng chưa thực hiện nộp đầy đủ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ theo quy định.

Văn phòng HĐND và UBND huyện có trách nhiệm đăng tải, niêm yết Thông báo này trên Cổng thông tin điện tử huyện Ninh Giang, UBND xã An Đức có trách nhiệm niêm yết công khai Thông báo này tại trụ sở UBND xã./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử huyện;
- UBND huyện; (Đề b/c)
- CCT khu vực Ninh Thanh;
- UBND xã An Đức;
- Các khách hàng trúng đấu giá;
- Lưu: TNMT.



Nguyễn Đình Tranh

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG BỊ HỦY KẾT QUẢ TRÚNG ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở TẠI VỊ TRÍ QUY HOẠCH
ĐIỂM DÂN CƯ MỚI THÔN KIM CHUẾ, XÃ AN ĐỨC, HUYỆN NINH GIANG

(Kèm theo Thông báo số 25 /TB-UBND ngày 28/02/2022 của UBND huyện Ninh Giang

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Lô đất số	DT đất (m ²)	Tổng số tiền phải nộp (đồng)	Số tiền đặt trước đã thu (đồng)	Số tiền đã nộp đợt 1 (đồng)	Số tiền đã nộp đợt 2 (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
-----	-----------	---------	-----------	--------------------------	------------------------------	---------------------------------	-----------------------------	-----------------------------	--

Vị trí 1: Từ lô LK1.4 đến lô LK1.26; từ lô LK2.4 đến lô LK2.12.

1	Hoàng Văn Lương	Thôn Cao Dương, xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	LK1.4	95,50	2.302.600.500	285.000.000	0	0	2.017.600.500
2	Hà Danh Thắng	Thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.7	100,00	2.069.800.000	285.000.000	0	0	1.784.800.000
3	Vũ Thị Nga	Số nhà 70, phố Đình Văn Tả, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK1.12	100,00	2.133.600.000	285.000.000	759.300.000	0	1.089.300.000
4	Trịnh Thị Thắm	thôn Tranh Xuyên, xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.16	100,00	2.199.000.000	285.000.000	1.099.500.000	0	814.500.000
5	Nguyễn Văn Phở	Thôn Cẩm Bối, xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.17	100,00	2.200.000.000	285.000.000	0	0	1.915.000.000
6	Vũ Thị Nga	Số nhà 70, phố Đình Văn Tả, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK1.19	100,00	2.088.600.000	285.000.000	624.250.000	0	1.179.350.000
7	Vũ Thị Nga	Số nhà 70, phố Đình Văn Tả, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK1.20	100,00	2.214.600.000	285.000.000	781.800.000	0	1.147.800.000
8	Đào Thị Thu Hằng	Khu 2, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.21	100,00	2.299.000.000	285.000.000	119.500.000	0	1.894.500.000
9	Vũ Thị Nga	Số nhà 70, phố Đình Văn Tả, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK1.22	100,00	2.317.600.000	285.000.000	822.300.000	1.044.300.000	166.000.000



STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Lô đất số	DT đất (m ²)	Tổng số tiền phải nộp (đồng)	Số tiền đặt trước đã thu (đồng)	Số tiền đã nộp đợt 1 (đồng)	Số tiền đã nộp đợt 2 (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
10	Nguyễn Văn Hòa	Xóm 11, Xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.25	100,00	2.089.900.000	285.000.000	902.450.000	0	902.450.000
11	Vũ Tiến Việt	Số 166, phố Đỗ Văn Thanh, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK2.5	100,00	2.000.000.000	285.000.000	0	0	1.715.000.000
12	Nguyễn Thị Tâm	Thôn Cự Trì, xã Ngũ Hùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	LK2.9	100,00	2.022.000.000	285.000.000	1.011.000.000	0	726.000.000
13	Nguyễn Văn Hòa	Xóm 11, Xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK2.11	100,00	2.068.900.000	285.000.000	0	0	1.783.900.000
14	Nguyễn Văn Hòa	Xóm 11, Xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK2.12	100,00	2.089.900.000	285.000.000	0	0	1.804.900.000

Vị trí 2: Từ lô LK1.1 đến lô LK1.3; Từ lô LK1.27 đến lô LK1.33; Từ lô LK2.1 đến lô LK2.3 và Từ lô LK2.21 đến lô LK2.24

15	Vũ Duy Huy	Thôn Phú, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.1	100,00	1.777.000.000	245.000.000	0	0	1.532.000.000
16	Vũ Đức Hình	Thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.2	100,00	1.715.000.000	245.000.000	0	0	1.470.000.000
17	Nguyễn Văn Hòa	Xóm 11, Xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.28	100,00	1.689.900.000	245.000.000	0	0	1.444.900.000
18	Đặng Văn Luyện	Phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK1.31	100,00	1.669.200.000	245.000.000	589.600.000	0	834.600.000
19	Đỗ Ngọc Thuýn	Thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.32	100,00	1.692.900.000	245.000.000	0	0	1.447.900.000

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Lô đất số	DT đất (m ²)	Tổng số tiền phải nộp (đồng)	Số tiền đất trước đã thu (đồng)	Số tiền đã nộp đợt 1 (đồng)	Số tiền đã nộp đợt 2 (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
20	Lã Thị Huân	thôn Tranh Xuyên, xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK2.1	100,00	1.788.900.000	245.000.000	0	0	1.543.900.000
21	Dặng Xuân Lực	Số 118/391, thị trấn Từ Kỳ, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương	LK2.21	95,50	2.196.500.000	245.000.000	0	0	1.951.500.000
22	Vũ Thị Mùi	Xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK2.22	100,00	1.699.900.000	245.000.000	0	0	1.454.900.000

Vị trí 3: Từ lô LK1.34 đến lô LK1.58; Từ lô LK2.13 đến lô LK2.20

23	Phạm Đình Văn	Thôn Đồng Bình, xã Dân Chủ, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương	LK1.36	100,00	1.491.100.000	210.000.000	0	0	1.281.100.000
24	Vũ Thị Nga	Số nhà 70, phố Đình Văn Tả, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK1.38	100,00	1.668.500.000	210.000.000	0	0	1.458.500.000
25	Nhữ Đình Vỹ	Thôn Vạc xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.41	100,00	1.501.000.000	210.000.000	0	0	1.291.000.000
26	Nguyễn Văn Lành	Thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.43	100,00	1.508.000.000	210.000.000	0	0	1.298.000.000
27	Nguyễn Văn Phở	Thôn Cẩm Bối, xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.44	100,00	1.505.000.000	210.000.000	0	0	1.295.000.000
28	Đỗ Đình Nghĩa	Khu Ngã, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	LK1.46	100,00	1.486.500.000	210.000.000	638.250.000	0	638.250.000
29	Trần Thị Khánh Linh	Thôn Nam Cầu, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.48	100,00	1.529.900.000	210.000.000	500.000.000	400.000.000	419.900.000



STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Lô đất số	DT đất (m ²)	Tổng số tiền phải nộp (đồng)	Số tiền đặt trước đã thu (đồng)	Số tiền đã nộp đợt 1 (đồng)	Số tiền đã nộp đợt 2 (đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (đồng)
30	Hà Phi Long	Thôn Bốn, xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.51	100,00	1.500.000.000	210.000.000	0	0	1.290.000.000
31	Nhất Văn Tân	Xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK1.55	95,50	1.708.399.500	210.000.000	854.199.750	0	644.199.750
32	Trương Thị Thủy Dung	Số nhà 28, phố Bùi Thị Xuân, phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK1.56	100,00	1.725.800.000	210.000.000	862.900.000	0	652.900.000
33	Nhất Đình Vỹ	Thôn Vạc xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK2.14	100,00	1.456.000.000	210.000.000	0	0	1.246.000.000
34	Vũ Đức Hình	Thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	LK2.15	100,00	1.457.000.000	210.000.000	0	0	1.247.000.000
35	Trần Phú Uý	Thôn Phương Hoàng Hạ, Thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	LK2.16	100,00	1.710.900.000	210.000.000	0	0	1.500.900.000
36	Nguyễn Văn Quang	Thôn Đào Lâm, xã Doãn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương	LK2.17	100,00	1.537.900.000	210.000.000	0	0	1.327.900.000
37	Đặng Văn Luyện	Số 110 phố Bình Lộc, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	LK2.18	100,00	1.469.200.000	210.000.000	524.600.000	0	734.600.000
38	Phạm Đình Hùng	Thôn Cao La, xã Dân Chủ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	LK2.20	100,00	1.456.700.000	210.000.000	0	0	1.246.700.000
Tổng cộng				3.786,50	69.036.700.000	9.310.000.000	10.089.649.750	1.444.300.000	48.192.750.250